

Bản án số: 166/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Đăng Khoa**

2. Bà **Lê Thanh Thuỷ**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 301/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp VH1, xã B, tỉnh A (*nay là ấp VH, xã B, tỉnh A*)

- *Bị đơn:* Ông **Mai Hữu N**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp VQ, xã B, tỉnh A (*nay là ấp VP, xã B, tỉnh A*).

(Bà Đoàn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Mai Hữu N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:*

Bà và ông N chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống bà và ông N có 02 con

chung tên Mai Hữu TH, sinh ngày 20/8/1981 và Mai Yến N1, sinh ngày 28/8/1987. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sống không hoà hợp, sống không hạnh phúc và vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 1996 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau, nên bà có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Mai Hữu N;

- Về con chung: Các con chung gồm: Mai Hữu TH, sinh ngày 20/8/1981 và Mai Yến N1, sinh ngày 28/8/1987 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn ông Mai Hữu N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Mai Hữu N vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.*

** Tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2026 đối với Ban Lãnh Đạo ấp VP, xã B, tỉnh A:*

Ban lãnh đạo ấp VP, xã B, tỉnh A xác nhận ông Mai Hữu N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VQ, xã B, tỉnh A (nay là ấp VP, xã B, tỉnh A) và hiện tại đương sự đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Đoàn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Hữu N nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn ông Mai Hữu N có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Phú, xã Bình An, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Bà Đoàn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với ông Mai Hữu N thì Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Mai Hữu N vẫn vắng mặt không lý do và chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đoàn Thị T. Do đó căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Mai Hữu Nghĩa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đoàn Thị T và ông Mai Hữu N chung sống với nhau từ năm 1980 (*có người con lớn là Mai Hữu TH sinh năm 1981 theo Giấy khai sinh 147 ngày 24/02/2021 do UBND xã Vĩnh Hoà Phú cấp*) nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân từ năm 1996 đến nay. Tuy ông bà không có đăng ký kết hôn nhưng ông bà sống chung từ năm 1980 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc Hội. Đối với ông Mai Hữu N mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên ông N và bà T hàn gắn đoàn tụ và Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông Mai Hữu N có mặt tham gia phiên tòa nhưng ông Mai Hữu N vắng mặt, do đó thể hiện hôn nhân của ông bà mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc xin ly hôn với ông Mai Hữu N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống bà Đoàn Thị T và ông Mai Hữu N có 02 con chung tên Mai Hữu TH, sinh ngày 20/8/1981 và Mai Yến N1, sinh ngày 28/8/1987 đã đủ

tuổi trưởng thành và bà T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị T xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Mai Hữu N đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Mai Hữu N vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa bà Đoàn Thị T và ông Mai Hữu N. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Mai Hữu Nghĩa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên bà Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc Hội, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn” với ông Mai Hữu N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Mai Hữu N.

2. Về con chung: Do con chung gồm Mai Hữu TH, sinh ngày 20/8/1981 và Mai Yến N1, sinh ngày 28/8/1987 đã đủ tuổi trưởng thành và bà Đoàn Thị T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 305584 ngày 20/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh